

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng
trên đường sắt Quốc gia**

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường sắt Quốc gia”;

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2018, thay thế “Quy định vận chuyển hàng hóa quá giới hạn, quá dài, quá nặng trên đường sắt Quốc gia” ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-ĐS ngày 17/6/2015 của Tổng công ty đường sắt Việt Nam và những văn bản trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty ĐSVN, thủ trưởng các đơn vị có liên quan đến hoạt động vận tải đường sắt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đảng ủy TCT ĐSVN (b/c);
- Hội đồng thành viên TCT ĐSVN (b/c);
- Ban TGD Tổng công ty ĐSVN;
- Kiểm soát viên TCT ĐSVN;
- Công đoàn, Đoàn thanh niên TCT ĐSVN;
- Lưu: VT, VT(10b).

PO8



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tá Tùng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

QUY ĐỊNH

**Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng
trên đường sắt Quốc gia**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-ĐS ngày 23 tháng 7 năm 2018
của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Mục lục

TT	Nội dung	Trang
1	Chương 1 – quy định chung	2
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	2
	Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
	Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
2	Chương 2 – Hàng hóa quá giới hạn	3
	Điều 4. Tiêu chí phân loại và kích thước hàng quá giới hạn	3
	Điều 5. Điều kiện, trình tự thủ tục	5
	Điều 6. Biện pháp vận chuyển	6
	Điều 7. Trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị liên quan	6
	Điều 8. Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn	8
3	Chương 3 - Hàng quá dài	9
	Điều 9. Phân loại và kích thước hàng quá dài	9
	Điều 10. Điều kiện và biện pháp vận chuyển hàng quá dài	10
4	Chương 4- Hàng quá nặng	11
	Điều 11. Phân loại hàng quá nặng	11
	Điều 12. Điều kiện và biện pháp vận chuyển hàng quá nặng	11
5	Chương 5- tổ chức thực hiện	12
	Điều 13 Quy định phân cấp việc ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển hàng quá giới hạn, quá dài, quá nặng trên đường sắt Quốc gia	12
	Điều 14. Quản lý khổ giới hạn TGKT và khổ giới hạn tĩnh không	13
	Điều 15. Tổ chức thực hiện	13

Chương 1- Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Quy định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục và biện pháp vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối vào đường sắt Quốc gia. Không áp dụng cho vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên khu đoạn từ cột hiệu phía nam ga Sóng Thần đến ga Sài Gòn.

1.2. Trường hợp hàng siêu trường, siêu trọng vận chuyển giữa đường sắt Việt Nam và đường sắt Trung Quốc: thực hiện theo quy định trong Nghị định thư Hội nghị đường sắt biên giới Việt -Trung hiện hành.

1.3. Trường hợp hàng siêu trường, siêu trọng vận chuyển Liên vận quốc tế xếp từ đường sắt Việt Nam quá cảnh đường sắt Trung Quốc đến các nước thuộc tổ chức đường sắt OSZD và ngược lại: thực hiện theo Hiệp định liên vận hàng hoá đường sắt Quốc tế (SMGS) và quy tắc chi tiết làm việc của Hiệp định liên vận hàng hoá đường sắt Quốc tế (SI k SMGS).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy tắc này áp dụng với Doanh nghiệp kinh doanh vận tải, Người thuê vận tải, Người nhận hàng và tổ chức, cá nhân có liên quan trong vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường sắt Quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

3.1. Tên gọi "hàng siêu trường, siêu trọng" trong Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 năm 2017 và Thông tư 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 Quy định về việc vận tải hàng hoá trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia, gồm:

3.1.1. Hàng siêu trường thuộc một trong các trường hợp sau: Trong Quy định này được hiểu là hàng quá giới hạn, quá dài.

a) Hàng hoá sau khi xếp lên toa xe chạy trên đường thẳng hoặc kể cả độ nói rộng của hàng khi qua đường cong có kích thước chiều rộng, chiều cao tính từ mặt ray vượt quá khổ giới hạn đầu máy toa xe quy định tại QCVN 08:2018/BGTVT gọi là hàng quá giới hạn.

b) Hàng quá dài là hàng sau khi xếp lên toa xe có chiều dài hàng vượt quá xà đầu toa xe chỉ định xếp hàng từ trên 250mm; khi xếp phải dùng toa xe đệm hoặc xếp lên cụm toa xe liên kết.

3.1.2 Hàng siêu trọng thuộc một trong các trường hợp sau: Trong Quy định này được hiểu là hàng quá nặng

- Hàng hóa có trọng lượng vượt quá trọng tải kỹ thuật, trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe;

- Hàng hóa có chiều dài tiếp xúc trên mặt sàn toa xe nhỏ hơn 2 mét và có trọng lượng lớn hơn 16 tấn.

3.2. “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt” năm 2018, số hiệu QCVN 08:2018/BGTVT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGTVT ngày 15/05/2018 của Bộ Giao thông vận tải viết tắt là: QCVN 08:2018/BGTVT.

3.3. Quy định về đo kích thước: Chiều cao tính từ mặt ray; chiều rộng tính từ điểm ngoài cùng rộng nhất của hàng theo đường thẳng vuông góc đến mặt phẳng đứng chứa tim dọc toa xe nhân đôi; chiều dài tính từ điểm ngoài cùng xa nhất của

hàng theo đường thẳng vuông góc đến mặt phẳng đứng chứa tim ngang toa xe nhân đôi.

3.4. Kích thước hàng quá dài là kích thước trong Quy định này được xác định với điều kiện hàng quá dài xếp trên 1 toa xe có dùm toa xe đệm.

3.5. Kích thước hàng hoá quá giới hạn là kích thước trong Quy định này được xác định với điều kiện hàng hoá có chiều dài không vượt quá xà đầu của toa xe xếp hàng.

3.6. Biện pháp xếp và gia cố hàng hoá là các biện pháp áp dụng theo Quy tắc xếp & gia cố hàng hoá và những quy định hiện hành để đảm bảo an toàn.

3.7. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt: là tổng công ty đường sắt Việt Nam;

3.8. Một số cụm từ viết tắt:

- Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia (Công ty Cổ phần VTĐS: Hà Nội, Sài Gòn; Công ty CPVT&TMĐS;...), viết tắt: Doanh nghiệp;

- Chi nhánh Vận tải, Trạm kinh doanh vận tải thuộc Doanh nghiệp, viết tắt: Chi nhánh (Trạm VTĐS);

- Chi nhánh Khai thác đường sắt (Chi nhánh ga đường sắt), viết tắt: Chi nhánh KTĐS;

- Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt, viết tắt: TTĐHVTĐS;

- Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, viết tắt: QLKCHTĐS;

- Thông tin tín hiệu, viết tắt: TTTH;

- An toàn giao thông đường sắt, viết tắt: ATGTĐS.

3.9. Trên các đoàn tàu hàng: Người phụ trách đoàn tàu là Trưởng tàu hàng hoặc Lái tàu phụ trách đoàn tàu hàng.

Chương 2- Hàng quá giới hạn

Điều 4. Tiêu chí phân loại và kích thước hàng quá giới hạn.

4.1. Phân loại: Hàng hoá quá giới hạn được chia làm 3 loại, hàng quá giới hạn loại I, loại II và loại III. Để xác định kích thước hàng hoá thuộc loại quá giới hạn nào phải căn cứ vào kích thước cụ thể của hàng hoá đó và loại toa xe xếp hàng.

- Nếu hàng hoá xếp trên xe MVT, ngoài việc phải đối chiếu với kích thước hàng hoá xếp tại độ cao > 990mm theo quy định; còn phải đối chiếu với kích thước hàng hoá xếp trên phần mặt võng sàn toa MVT như sau:

+ Từ mặt võng sàn toa đến độ cao 990mm mà chiều rộng của hàng vượt quá 3100mm đến cách tiếp giáp kiến trúc một khoảng ≥ 50 mm thì kích thước thuộc hàng quá giới hạn loại III;

+ Từ mặt võng sàn toa đến độ cao 990mm mà chiều rộng của hàng không vượt quá 3100mm thì kích thước phần hàng đó không quá giới hạn;

4.2. Nếu hàng hoá xếp trên xe không mui khác, kích thước hàng hoá quá giới hạn được quy định như sau:

4.2.1. Hàng quá giới hạn loại I: Là hàng sau khi xếp lên toa xe có kích thước chiều rộng, chiều cao vượt quá kích thước khổ giới hạn đầu máy toa xe quy định tại QCVN 08:2018/BGTVT nhưng chưa đạt tới kích thước giới hạn loại II (nằm trong khoảng đường bao khổ giới hạn ĐMTX đến đường bao giới hạn kích thước I) quy định tại bản vẽ số 1,2,3 và có kích thước như sau:

- a) Kích thước hàng quá giới hạn loại I khổ đường 1000mm khu đoạn Vinh - Sóng Thần:
- Nơi rộng 3100mm thì cao từ 990mm đến không quá 2500mm.
 - Nơi rộng 3050mm thì cao không quá 3000mm.
 - Nơi rộng 2970 thì cao không quá 3434mm.
 - Nơi rộng 2650mm thì cao không quá 3700mm.
 - Nơi rộng 2250mm thì cao không quá 3800mm.
 - Nơi rộng 1200mm thì cao không quá 3950mm.
- b) Kích thước hàng quá giới hạn loại I khổ đường 1000mm khu đoạn Vinh trở ra các tuyến phía Bắc:
- Nơi rộng 3100mm thì cao từ 990mm đến không quá 3000mm.
 - Nơi rộng 3050mm thì cao không quá 3434mm.
 - Nơi rộng 2700 thì cao không quá 3700mm.
 - Nơi rộng 2350mm thì cao không quá 3800mm.
 - Nơi rộng 1400mm thì cao không quá 3970mm.
- c) Kích thước hàng quá giới hạn loại I khổ đường 1435mm.
- Nơi rộng 3600mm thì cao từ 1251mm đến không quá 3000mm.
 - Nơi rộng 3500mm thì cao không quá 3600mm.
 - Nơi rộng 3200 thì cao không quá 4000mm.
 - Nơi rộng 2850mm thì cao không quá 4300mm.
 - Nơi rộng 2350mm thì cao không quá 4500mm.
 - Nơi rộng 1000mm thì cao không quá 4850mm
- 4.2.2. Hàng quá giới hạn loại II: Là hàng sau khi xếp lên toa xe có kích thước chiều rộng, chiều cao vượt quá kích thước giới hạn loại I nhưng chưa đạt tới kích thước giới hạn loại II (nằm trong khoảng đường bao kích thước I đến đường bao giới hạn kích thước II) quy định tại bản vẽ số 1,2,3 với kích thước như sau:
- a) Kích thước hàng quá giới hạn loại II khổ đường 1000mm khu đoạn Vinh - Sóng Thần:
- Nơi rộng không quá 3250mm thì cao từ 990mm đến không quá 2500mm.
 - Nơi rộng 3150mm thì cao không quá 3000mm.
 - Nơi rộng 3000 thì cao không quá 3434mm.
 - Nơi rộng 2700mm thì cao không quá 3700mm.
 - Nơi rộng 2400mm thì cao không quá 3800mm.
 - Nơi rộng 1500mm thì cao không quá 3950mm.
 - Nơi rộng 1400mm thì cao không quá 3970mm.
- b) Kích thước hàng quá giới hạn loại II khổ đường 1000mm khu đoạn Vinh trở ra các tuyến phía Bắc:
- Nơi rộng 3300mm thì cao từ 990mm đến không quá 2500mm.
 - Nơi rộng 3200mm thì cao không quá 3000mm.
 - Nơi rộng 3150 thì cao không quá 3434mm.
 - Nơi rộng 2750mm thì cao không quá 3700mm.
 - Nơi rộng 2500mm thì cao không quá 3800mm.
 - Nơi rộng 1700mm thì cao không quá 3970mm.
 - Nơi rộng 1120mm thì cao không quá 4100mm.
- c) Kích thước hàng quá giới hạn loại II khổ đường 1435mm:
- Nơi rộng 3800mm thì cao từ 1250mm đến không quá 3000mm.
 - Nơi rộng 3600mm thì cao không quá 3600mm.

Nơi rộng 3350 thì cao không quá 4000mm.

Nơi rộng 3000mm thì cao không quá 4300mm.

Nơi rộng 2600mm thì cao không quá 4500mm.

Nơi rộng 1150mm thì cao không quá 4850mm.

Nơi rộng 1000mm thì cao không quá 4950mm.

4.2.3. Hàng quá giới hạn loại III: Là hàng sau khi xếp lên toa xe có kích thước chiều rộng, chiều cao vượt quá kích thước hàng quá giới hạn loại II nhưng có khoảng cách của hàng kể cả độ nổi rộng khi qua đường cong đến khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc quy định tại QCVN 08:2018/BGTVT một khoảng ≥ 50 mm.

Điều 5. Điều kiện, trình tự thủ tục.

5.1. Điều kiện chuyên chở.

- Doanh nghiệp chỉ được xếp hàng lên toa khi đã có văn bản chấp thuận vận chuyên của Tổng công ty ĐSVN hoặc đơn vị được Tổng công ty ĐSVN chỉ định;

- Hội đồng vận chuyên hàng quá giới hạn kiểm tra thực tế hàng hoá sau khi xếp lên xe phải nhỏ hơn hoặc phù hợp với kích thước quy định trong văn bản chấp thuận mới được làm thủ tục lập tàu.

- Riêng hàng quá giới hạn loại I không cần văn bản chấp thuận vận chuyên của Tổng công ty ĐSVN, sau khi xếp hàng lên toa xe, Chi nhánh KTĐS, ga đường sắt cử cán bộ kỹ thuật cùng Chi nhánh (Trạm VTĐS) lập biên bản kiểm tra kích thước thực tế của toa hàng, giao cho Doanh nghiệp đính kèm Hoá đơn gửi hàng (Giấy gửi hàng).

5.2. Trình tự thủ tục:

5.2.1. Người thuê vận tải hoặc tổ chức, cá nhân có yêu cầu chuyên chở hàng quá giới hạn phải cung cấp chính xác các số liệu về kích thước và đặc điểm hàng hoá gửi Doanh nghiệp (Đơn vị ký hợp đồng vận chuyên). Doanh nghiệp có trách nhiệm khảo sát, xác định mức độ quá giới hạn, quá dài, quá nặng của hàng hoá; gửi công văn đề nghị chấp thuận vận chuyên loại hàng quá giới hạn đến Tổng công ty ĐSVN, Chi nhánh KTĐS có ga dự kiến xếp hàng theo quy định tại văn bản này trừ trường hợp hàng quá giới hạn loại I không cần văn bản chấp thuận.

5.2.2. Công văn phải có các nội dung cơ bản sau:

- Thông số hàng hoá:
 - + Ga đi, ga đến;
 - + Tên hàng hoá;
 - + Trọng lượng;
 - + Tổng chiều dài khi xếp hàng;
 - + Trọng tâm của hàng hoá;
 - + Chiều rộng nhất của hàng là ...mm thì tại đó cao ...mm;
 - + Chiều cao nhất của hàng là ... thì tại đó rộng ...mm;
 - + Chiều rộng nhất của hàng nơi tiếp xúc với sàn xe rộng ...mm;
- Xây dựng, đề xuất biện pháp xếp, dỡ, gia cố, các yêu cầu về bảo quản, áp tải,... hoặc yêu cầu kỹ thuật theo chỉ định của Người thuê vận tải;
- Xây dựng, đề xuất phương án vận chuyên;
- Ngoài ra còn phải gửi kèm bản vẽ về hàng hoá: hình vẽ phối cảnh, hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh, hình chiếu bằng và ghi rõ kích thước, vị trí trọng tâm hàng hoá.

5.2.3. Tổng công ty ĐSVN, Chi nhánh KTĐS tiếp nhận văn bản đề nghị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng từ Doanh nghiệp, đối chiếu quy định tại Văn bản này và các quy định khác có liên quan xem xét việc chấp thuận vận chuyển;

Điều 6. Biện pháp vận chuyển.

6.1 Hàng quá giới hạn loại I.

- Tàu kéo toa hàng quá giới hạn loại I được chạy theo tốc độ quy định trong Công lệnh tốc độ hiện hành và cảnh báo còn hiệu lực.

6.2. Hàng quá giới hạn loại II.

- Đối với toa hàng quá giới hạn loại II khi đi qua các hầm có đường cong bán kính nhỏ, khổ giới hạn tĩnh không hạn chế (hầm số 1,5,9,12,13,14,16, hầm Chí Thạnh km 1168+555,... trên tuyến đường sắt Thống nhất) hoặc các khu đoạn hạn chế về tiếp giáp kiến trúc (cầu, hầm, phai đê, ke ga, cột hiệu ra ga, các thiết bị trong ga; hoặc tùy điều kiện, tính chất của hàng như: máy móc tinh vi, hàng cần có khoảng cách đệm, hàng nặng, hàng có trọng tâm cao v.v... đơn vị ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển quy định điều kiện vận chuyển riêng như: quy định cấp cảnh báo hạn chế tốc độ, khoảng cách đệm, vị trí nổi trong đoàn tàu v.v.... Các điều kiện trên được quy định trong giấy phép vận chuyển và thông báo cho các đơn vị liên quan biết để thực hiện. Các đơn vị như: Trung tâm điều hành vận tải, Phòng điều hành vận tải các khu vực, chi nhánh KTĐS, ga đi, ga đến, các ga dọc đường, các Chi nhánh (Trạm VTĐS) và các đơn vị liên quan phải chấp hành biện pháp, điều kiện chạy tàu quy định trong văn bản chấp thuận vận chuyển lô hàng.

- Ngoài các vị trí hạn chế tốc độ như trên, toa hàng được phép chạy theo quy định của Công lệnh tốc độ hiện hành và cảnh báo giảm tốc độ còn hiệu lực.

6.3. Hàng quá giới hạn loại III:

- Trên cơ sở thực trạng khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc, khổ giới hạn tĩnh không của tuyến đường vận chuyển, thực tế kích thước của lô hàng và Phương án xếp dỡ, vận chuyển, bảo quản lô hàng do Doanh nghiệp xây dựng gửi kèm theo Công văn đề nghị vận chuyển, Hội đồng vận chuyển có nhiệm vụ nghiên cứu thẩm định phương án xếp, gia cố vận chuyển lô hàng; trong quá trình xây dựng phương án có thể áp dụng các biện pháp kỹ thuật như: hạ nhíp toa xe, bóc sàn toa, hạ thanh giằng cầu, hạ cột thông tin, hạ cần ghi, xử lý các điểm vi phạm tiếp giáp kiến trúc ... đồng thời quyết định biện pháp vận chuyển và tốc độ chạy tàu cho phù hợp với từng khu đoạn, từng tuyến đường để đảm bảo an toàn. Ngoài các quy định này, khi vận chuyển hàng quá giới hạn loại III còn phải áp dụng biện pháp vận chuyển như đối với loại hàng quá giới hạn loại II quy định tại điểm 6.2 của Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị liên quan.

Đề vận chuyển hàng hoá quá giới hạn kịp thời đáp ứng yêu cầu của Người thuê vận tải, của Doanh nghiệp và đảm bảo an toàn, ngoài chức năng nhiệm vụ theo quy định và các yêu cầu thực tế phát sinh cho việc vận chuyển hàng quá giới hạn, các đơn vị và cá nhân liên quan thực hiện tốt các trách nhiệm sau đây:

7.1. Đơn vị chủ trì ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển:

- Tiếp nhận công văn yêu cầu đề nghị vận chuyển của Doanh nghiệp; kiểm tra đối chiếu với nội dung quy định tại Văn bản này.

- Thành lập Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn;
- Phối hợp cùng các đơn vị liên quan (nếu có) để thẩm định biện pháp xếp, dỡ, vận chuyển và cấp phép vận chuyển, trong đó quy định rõ biện pháp xếp dỡ, gia cố, vận chuyển (tốc độ chạy tàu, biện pháp lập tàu, cấp cảnh báo ...).
- Sau khi có văn bản chấp thuận vận chuyển phải gửi cho các đơn vị liên quan và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện.

7.2. Các đơn vị phối hợp tham mưu ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển:

- Ban Vận tải chủ trì tham mưu văn bản chấp thuận vận chuyển; Ban Đầu máy toa xe, Ban Quản lý kết cấu hạ tầng ĐS, Ban An ninh An toàn GTĐS, Trung tâm ĐHVTĐS có trách nhiệm tham gia trong Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn (nếu có yêu cầu), cung cấp các thông số kỹ thuật về cầu, đường, hầm, thông tin tín hiệu, đầu máy, toa xe và các yêu cầu khác và cùng tham gia xây dựng phương án xếp dỡ, gia cố, vận chuyển để làm cơ sở cho việc ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển.

7.3. Thực hiện:

- Doanh nghiệp, Chi nhánh (Trạm VTĐS): căn cứ nội dung văn bản chấp thuận vận chuyển, thông tin đăng ký xếp hàng của Người thuê vận tải, hướng dẫn của Hội đồng vận chuyển và theo quy tắc xếp gia cố hiện hành:

+ Thông báo cho Ga xếp trước thời điểm xếp hàng ít nhất 24 giờ để Ga có phương án bố trí khu vực xếp hàng phù hợp, cử người cùng tham gia giám sát, hướng dẫn việc xếp hàng theo đúng quy định và đảm bảo an toàn;

+ Hướng dẫn Người thuê vận tải xếp, gia cố hàng hoá theo đúng quy định;

+ Tham gia Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn (nếu có yêu cầu);

+ Tiến hành đo đạc kích thước và so sánh đối chiếu với kích thước quy định trong văn bản chấp thuận vận chuyển: nếu kích thước phù hợp với văn bản, báo cáo Hội đồng để lập biên bản hàng quá giới hạn theo mẫu quy định;

- Hội đồng vận chuyển, Chi nhánh KTĐS, Ga đường sắt:

+ Kiểm tra lại kích thước lô hàng sau khi xếp, nếu kích thước phù hợp với văn bản chấp thuận vận chuyển thì chủ trì lập biên bản hàng quá giới hạn, đọc điện cho Điều độ xin lập tàu. Nếu kích thước không phù hợp thì yêu cầu ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển khác phù hợp; chịu trách nhiệm nếu như không kiểm tra hoặc đo đạc kích thước của toa hàng quá giới hạn không đúng theo quy định tại văn bản chấp thuận vận chuyển mà vẫn yêu cầu Điều độ lập tàu;

+ Triển khai biện pháp tổ chức chạy tàu quy định trong văn bản chấp thuận vận chuyển và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện vận chuyển hàng hoá quá giới hạn trong phạm vi quản lý;

- Biên bản và văn bản chấp thuận vận chuyển được đính kèm hoá đơn gửi hàng trong suốt quá trình chuyên chở;

7.4. Trung tâm ĐHVTĐS:

- Đối chiếu các thông số về kích thước giữa biên bản kiểm tra kích thước thực tế mà ga xếp hàng đọc điện với văn bản chấp thuận vận chuyển, đảm bảo phù hợp mới phát lệnh cho phép lập tàu;

- Triển khai biện pháp tổ chức chạy tàu quy định trong văn bản chấp thuận vận chuyển và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện vận chuyển;

- Chỉ định tàu kéo toa hàng và các biện pháp lập tàu;

- Chỉ định các ga cấp cảnh báo trên suốt tuyến đường vận chuyển và ra mệnh lệnh về nội dung cảnh báo giảm tốc độ (nếu có).

- Dự báo cho các Công ty, đơn vị quản lý đường sắt liên quan nếu có ảnh hưởng đến an toàn.

- Dự báo kế hoạch và xác báo đặc điểm đoàn tàu có toa hàng quá giới hạn cho các ga dọc đường cùng những biện pháp đón gửi tàu thích hợp để đảm bảo an toàn.

7.5. Các đơn vị nhận đặt hàng quản lý bảo trì KCHTĐS (các Công ty CPĐS, CP TTHĐS) và các đơn vị liên quan: cung cấp kịp thời các số liệu về đặc điểm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn tĩnh không tuyến đường đang quản lý cho Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn khi có yêu cầu. Sau khi nhận được điện cho phép vận chuyển hoặc dự báo kế hoạch của Điều độ phải triển khai cho các bộ phận liên quan như cung đường, TTH, cung cầu, chấn ... có biện pháp để tàu qua an toàn.

7.6. Trung tâm ĐHVTĐS, Chi nhánh KTĐS, Doanh nghiệp trực tiếp chỉ đạo các đơn vị, bộ phận, các ga, các chức danh liên quan về biện pháp tổ chức chạy tàu. Tại các ga tàu có đỗ, Người phụ trách đoàn tàu, Ga, Chi nhánh (Trạm VTĐS), cùng nhân viên áp tải phải kiểm tra độ ổn định của hàng hoá để đảm bảo an toàn;

7.7. Các ga kỹ thuật có toa hàng đi qua: Tổ chức đón tàu và kiểm tra trạng thái kỹ thuật toa xe, hàng hoá để đảm bảo an toàn.

Điều 8. Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn

8.1. Nhiệm vụ của Hội đồng vận chuyển.

- Nghiên cứu, thẩm định biện pháp xếp, dỡ, gia cố, vận chuyển do Doanh nghiệp gửi kèm theo Công văn đề nghị chấp thuận vận chuyển và tham mưu nội dung văn bản chấp thuận vận chuyển hàng quá giới hạn;

- Chỉ đạo việc xếp, dỡ, gia cố hàng hoá;

- Đối với loại hàng quá giới hạn loại III, Hội đồng vận chuyển phải cử người đi áp tải kỹ thuật trong quá trình vận chuyển (nếu cần thiết). Chủ tịch Hội đồng vận chuyển căn cứ tính chất lô hàng và mức độ phức tạp của hàng hóa quá giới hạn để cử thành viên trong Hội đồng đi áp tải kỹ thuật cho phù hợp. Trường hợp bình thường có thể cử thành viên đi áp tải kỹ thuật là người của Doanh nghiệp, Chi nhánh (Trạm VTĐS);

8.2. Thành phần Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn:

- Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn loại I: Do Trưởng ga (hoặc phó ga được ủy quyền) làm chủ tịch Hội đồng; thành viên khác: nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ ga (hoặc trực ban chạy tàu ga), lãnh đạo Trạm VT (hoặc đại diện phòng nghiệp vụ Chi nhánh vận tải), nhân viên hóa vận của Chi nhánh (Trạm VTĐS) làm uỷ viên. Khi hàng xếp tại các ga nhỏ hạng 3, hạng 4 Chi nhánh KTĐS cử nhân viên nghiệp vụ tham gia Hội đồng;

- Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn loại II: Do giám đốc Chi nhánh KTĐS (hoặc Phó giám đốc được ủy quyền) làm chủ tịch Hội đồng, giám đốc Chi nhánh vận tải (hoặc phó giám đốc được ủy quyền) làm phó chủ tịch hội đồng; các thành viên khác gồm: Đại diện các phòng nghiệp vụ Chi nhánh KTĐS, Chi nhánh (Trạm VTĐS), ga xếp hàng (tùy theo từng trường hợp cụ thể, Hội đồng không nhất thiết phải đầy đủ các thành viên này);

- Hội đồng vận chuyển hàng quá giới hạn loại III: do Trưởng Ban Vận tải làm chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó trưởng Ban Vận tải, hoặc lãnh đạo chi nhánh KTĐS được Tổng công ty ĐSVN chỉ định), thành viên là các Ban ĐMTX,

QLCKHTĐS, ANATGTĐS; trung tâm ĐHVTS, lãnh đạo đại diện Doanh nghiệp, lãnh đạo Chi nhánh KTĐS, ga xếp hàng, đại diện Người thuê vận tải (tùy theo từng trường hợp cụ thể, Hội đồng không nhất thiết phải đầy đủ các thành viên này).

Chương 3 - Hàng quá dài

Điều 9. Phân loại và kích thước hàng quá dài.

9.1. Hàng quá dài loại I.

Hàng quá dài loại I là hàng sau khi xếp lên xe có chiều dài vượt quá xà đầu toa xe chỉ định xếp hàng từ trên 250mm đến 2500mm với chiều dài hàng không quá 18.000mm, khi xếp chiều dài của hàng tương ứng với chiều cao và chiều rộng như sau:

a) Khổ đường 1000mm.

- Hàng dài 18.000mm thì:

Nơi rộng 2576mm thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2438 mm thì cao không quá 3434mm.

Nơi rộng 2270mm thì cao không quá 3700mm.

Nơi rộng 1882 thì cao không quá 3800mm.

- Hàng dài 17.000mm thì:

Nơi rộng 2676mm thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2658 mm thì cao không quá 3434mm.

Nơi rộng 2370mm thì cao không quá 3700mm.

Nơi rộng 1982mm thì cao không quá 3800mm.

- Hàng dài 16.000mm thì:

Nơi rộng 2776mm thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2758 mm thì cao không quá 3434mm.

Nơi rộng 2470mm thì cao không quá 3700mm.

Nơi rộng 2082mm thì cao không quá 3800mm.

- Hàng dài 15.000mm thì:

Nơi rộng 2836mm thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2818 mm thì cao không quá 3434mm.

Nơi rộng 2530mm thì cao không quá 3700mm.

Nơi rộng 2142 thì cao không quá 3800mm.

- Hàng dài 14.000mm thì:

Nơi rộng 2916mm thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2898 mm thì cao không quá 3434mm.

Nơi rộng 2610mm thì cao không quá 3700mm.

Nơi rộng 2222 thì cao không quá 3800mm.

b) Khổ đường 1435mm.

- Hàng dài 18.000mm thì:

Nơi rộng bằng mặt sàn toa thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2528mm thì cao không quá 4300mm.

- Hàng dài 17.000mm thì:

Nơi rộng bằng mặt sàn toa thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2616mm thì cao không quá 4300mm.

- Hàng dài 16.000mm thì:

Nơi rộng bằng mặt sàn toa thì cao không quá 3000mm.

Nơi rộng 2698mm thì cao không quá 4300mm

- Hàng dài 15.000mm thì:

Nơi rộng bằng mặt sàn toa thì cao không quá 3600mm.

Nơi rộng 2774mm thì cao không quá 4300mm.

- Hàng dài 14.000mm thì:

Nơi rộng bằng mặt sàn toa thì cao không quá 3600mm.

Nơi rộng 2325mm thì cao không quá 4500mm.

9.2. Hàng quá dài loại II.

Là hàng sau khi xếp lên xe có kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều cao lớn hơn kích thước của hàng quá dài loại I (trừ một số loại hàng đã xây dựng biện pháp vận chuyển riêng) và đảm bảo các điều kiện về kích thước như sau:

a) Kích thước hàng hàng quá dài loại II khu đoạn Vinh - Sóng Thần.

Trường hợp hàng dài từ trên 18.000mm đến 25.000mm thì chiều rộng của hàng ở các điểm tương ứng với chiều cao phải cộng với độ nở rộng của hàng hoá khi qua đường cong bán kính $r = 98m$ với kích thước (chiều rộng và cao) không vượt quá kích thước hàng quá giới hạn loại II tương ứng với từng khu đoạn và từng khổ đường quy định tại điểm a) khoản 4.2.2 của Điều 4 Quy định này.

b) Kích thước hàng hàng quá dài loại II khu đoạn Vinh trở ra các tuyến phía Bắc.

Trường hợp hàng dài từ trên 18.000mm đến 30.000mm thì chiều rộng của hàng ở các điểm tương ứng với chiều cao phải cộng với độ nở rộng của hàng hoá khi qua đường cong bán kính $r=100m$ với kích thước (chiều rộng và cao) không vượt quá kích thước hàng quá giới hạn loại II quy định tại điểm b) khoản 4.2.2 của Điều 4 Quy định này.

c) Kích thước hàng hàng quá dài loại II khổ đường 1435mm.

Trường hợp hàng dài từ trên 18.000mm đến 30.000mm thì chiều rộng của hàng ở các điểm tương ứng với chiều cao phải cộng với độ nở rộng của hàng hoá khi qua đường cong bán kính $r=100m$ với kích thước (chiều rộng và cao) không vượt quá kích thước hàng quá giới hạn loại II quy định tại điểm c) khoản 4.2.2 của Điều 4 Quy định này.

d) Trường hợp hàng dài trên 25m (đối với khu đoạn Vinh-Sóng Thần) và hàng dài trên 30m (đối với khu đoạn Vinh trở ra các tuyến phía Bắc): tùy theo khổ giới hạn tĩnh không thực tế của từng cung chặng của tuyến đường để tính toán kích thước vận chuyển lô hàng quá dài đó để đảm bảo an toàn.

Điều 10. Điều kiện và biện pháp vận chuyển hàng quá dài

10.1. Hàng quá dài phải xếp trên toa xe mặt bằng; có thể xếp theo phương pháp dùng xe đệm hoặc xếp lên hai toa xe liên kết nhưng phải đảm bảo điều kiện sau:

- Xếp hàng quá dài phải dùng xe đệm: Phần hàng vượt quá xà đầu toa xe quá 250mm phải có toa xe đệm, đầu thò không được đè trực tiếp lên mặt sàn toa đệm hoặc những thiết bị của toa xe mà phải có khoảng hở tối thiểu tính từ mặt trên của sàn toa xe đến mặt dưới của hàng hoá là:

+ Hàng quá dài loại I: $\geq 150mm$.

+ Hàng quá dài loại II (có chiều dài đến 25.000mm): $\geq 250mm$.

+ Hàng quá dài loại II (có chiều dài đến 30.000mm): $\geq 300mm$.

Nếu xe đệm có xếp hàng khác thì giữa đầu kiện hàng đó và đầu phần hàng

hoá thò sang toa xe đệm phải có khoảng cách tối thiểu là 600mm.

- Xếp hàng quá dài lên hai xe nối liền nhau (xếp hai xe liên kết): Không được đặt hàng hoá đè trực tiếp lên sàn toa xe mà phải xếp lên giá chuyển hướng phụ đặt trên mỗi toa dùng để xếp hàng (quy cách giá chuyển hướng phụ, biện pháp xếp phải được cấp có thẩm quyền quyết định). Sau khi xếp xong phải dùng dây thép buộc chắc chắn cần móc nối tự động ở vị trí móc khít để không thể nhấc được cần giật đầu đấm và phải treo hai bên đầu thành mỗi toa này tấm biển "không được cắt".

10.2. Hàng quá dài loại I: không cần văn bản chấp thuận vận chuyển; điều kiện, biện pháp vận chuyển và hội đồng vận chuyển áp dụng như hàng quá giới hạn loại I quy định tại Quy định này.

10.3. Hàng quá dài loại II: Trước khi nhận vận chuyển phải đề nghị Tổng công ty ĐSVN chấp thuận vận chuyển (trừ trường hợp có quy định riêng). Điều kiện, biện pháp vận chuyển và hội đồng vận chuyển hàng quá dài loại II áp dụng như biện pháp chuyên chở hàng quá giới hạn loại II, III quy định tại Quy định này.

Chương 4- Hàng quá nặng

Điều 11. Phân loại.

Hàng quá nặng được chia thành 2 loại: loại I và loại II

- Hàng quá nặng loại I: Là hàng hoá không thể tháo rời được, có trọng lượng vượt quá trọng tải kỹ thuật của toa xe $\leq 5\%$ nhưng chưa vượt quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe (không vượt quá trọng tải tấn/mét của tuyến đường vận chuyển).

- Hàng quá nặng loại II: Là hàng hoá không thể tháo rời được, khi thuộc ít nhất trong các trường hợp sau:

+ Hàng hoá có trọng lượng vượt quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe (vượt quá trọng tải tấn/mét của tuyến đường vận chuyển);

+ Hàng hoá có trọng lượng vượt quá 5% trọng tải kỹ thuật của toa xe;

+ Hàng hoá có chiều dài tiếp xúc mặt sàn toa xe $< 2\text{m}$ và trọng lượng > 16 tấn.

Điều 12. Điều kiện và biện pháp vận chuyển hàng quá nặng.

12.1. Hàng quá nặng loại I: không cần văn bản chấp thuận vận chuyển; điều kiện, biện pháp vận chuyển và hội đồng vận chuyển áp dụng như hàng quá giới hạn loại I quy định tại Quy định này.

12.2. Hàng quá nặng loại II: Trước khi nhận vận chuyển phải đề nghị Tổng công ty ĐSVN chấp thuận vận chuyển (trừ trường hợp có quy định riêng). Điều kiện, biện pháp vận chuyển, hội đồng vận chuyển và làm thủ tục như đối với hàng quá giới hạn loại III.

Chương 5- Tổ chức thực hiện

Điều 13. Quy định phân cấp việc ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển hàng quá giới hạn, quá dài, quá nặng trên đường sắt Quốc gia.

13.1. Hàng hoá quá giới hạn, quá dài, quá nặng loại I: Không cần văn bản chấp thuận vận chuyển; điều kiện, biện pháp vận chuyển và hội đồng vận chuyển áp

dụng như hàng quá giới hạn loại I quy định tại Quy định này.

13.2. Hàng hoá quá giới hạn loại II:

+ Đối với những lô hàng vận chuyển có ga đi và ga đến trong phạm vi khu vực đường sắt do Chi nhánh KTĐS quản lý: Do giám đốc Chi nhánh KTĐS thẩm định yêu cầu từ Doanh nghiệp và ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển;

+ Đối với những lô hàng vận chuyển có ga đến ngoài phạm vi khu vực đường sắt Chi nhánh KTĐS quản lý: Do Tổng công ty ĐSVN thẩm định yêu cầu và ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển;

13.3. Hàng hoá quá giới hạn loại III, hàng quá dài và quá nặng loại II: do Tổng công ty ĐSVN thẩm định yêu cầu vận chuyển và ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển. Trường hợp cá biệt đối với lô hàng có quy cách kích thước đơn giản, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sẽ chỉ định đơn vị thành lập Hội đồng vận chuyển.

13.4. Một số trường hợp Quy định riêng:

13.4.1. Mặt hàng ray dài 25mét khi vận chuyển nội địa đã có văn bản quy định biện pháp vận chuyển riêng thì không phải đề nghị ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển (trừ trường hợp loại toa xe, loại ray và phương án xếp, dỡ có thay đổi khác với quy định của văn bản đã ban hành).

13.4.2. Các loại ISO container thông dụng loại 20 feet, 40 feet và 45 feet có chiều cao 2896mm xếp lên các loại toa xe chuyên dụng chở container thuộc hàng quá giới hạn, khi vận chuyển trên đường sắt quốc gia được thực hiện theo văn bản quy định riêng, không phải đề nghị ban hành văn bản chấp thuận vận chuyển (trừ trường hợp loại toa xe, loại container và phương án xếp, dỡ, vận chuyển có thay đổi khác với quy định của văn bản đã ban hành);

13.4.3. Việc vận chuyển khẩn cấp, nhanh chóng các thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ thi công, cứu chữa, cứu nạn, khắc phục hậu quả do thiên tai, bão, lũ gây ra đối với Đường sắt thực hiện theo quy định sau:

- Trong trường hợp cần vận chuyển khẩn cấp, nhanh chóng các thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ thi công, cứu chữa, cứu nạn, khắc phục hậu quả do thiên tai, bão, lũ gây ra đối với Đường sắt; giao cho Trưởng Ban chỉ đạo phòng chống lụt, bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (gọi tắt là Ban chỉ đạo PCLB) quyết định biện pháp xếp, gia cố và biện pháp chạy tàu đối với những loại thiết bị, máy móc khi xếp lên toa xe đường sắt thuộc hàng Quá khổ giới hạn loại II, III; quá dài, quá nặng loại II theo quy định tại Quy định này;

- Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt căn cứ quyết định của Trưởng Ban chỉ đạo PCLB, bố trí cấp xe nhanh chóng, kịp thời; phát lệnh đến các đơn vị theo quy định. Các Doanh nghiệp, các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành đảm bảo kịp thời phục vụ vận chuyển thiết bị, máy móc phục vụ thi công, cứu nạn, sửa chữa đường sắt;

13.4.4. Trường hợp Doanh nghiệp, Người thuê vận tải có nhu cầu vận chuyển hàng quá giới hạn, quá dài, quá nặng trên khu đoạn từ cột hiệu phía nam ga Sóng Thần đến ga Sài Gòn phải khảo sát cụ thể hàng hoá, gửi văn bản đến Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xem xét ban hành văn bản riêng.

Điều 14. Quản lý khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn tĩnh không.

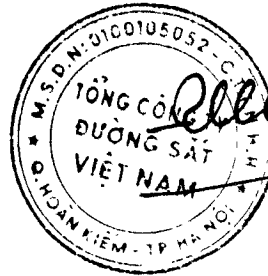
Các đơn vị: Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, các đơn vị nhận đặt

hàng quản lý bảo trì KCHTĐS (các Công ty CPĐS, CP TTTHĐS) và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm quản lý về khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc; duy trì khổ giới hạn tĩnh không hiện hành để vận chuyển hàng hoá siêu trường siêu trọng được an toàn. Khi có sự thay đổi về kích thước giới hạn tiếp giáp kiến trúc so với quy định hoặc có sự thay đổi về khổ giới hạn tĩnh không của cầu, hầm, phai đê, ke ga so với hiện hành; các đơn vị nhận đặt hàng quản lý bảo trì KCHTĐS (các Công ty CPĐS, CP TTTHĐS) có trách nhiệm báo cáo (bằng văn bản) sự thay đổi đó về Tổng công ty ĐSVN (Ban Vận tải và Ban quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt) để điều chỉnh biện pháp vận chuyển được an toàn.

Điều 15. Điều khoản thi hành.

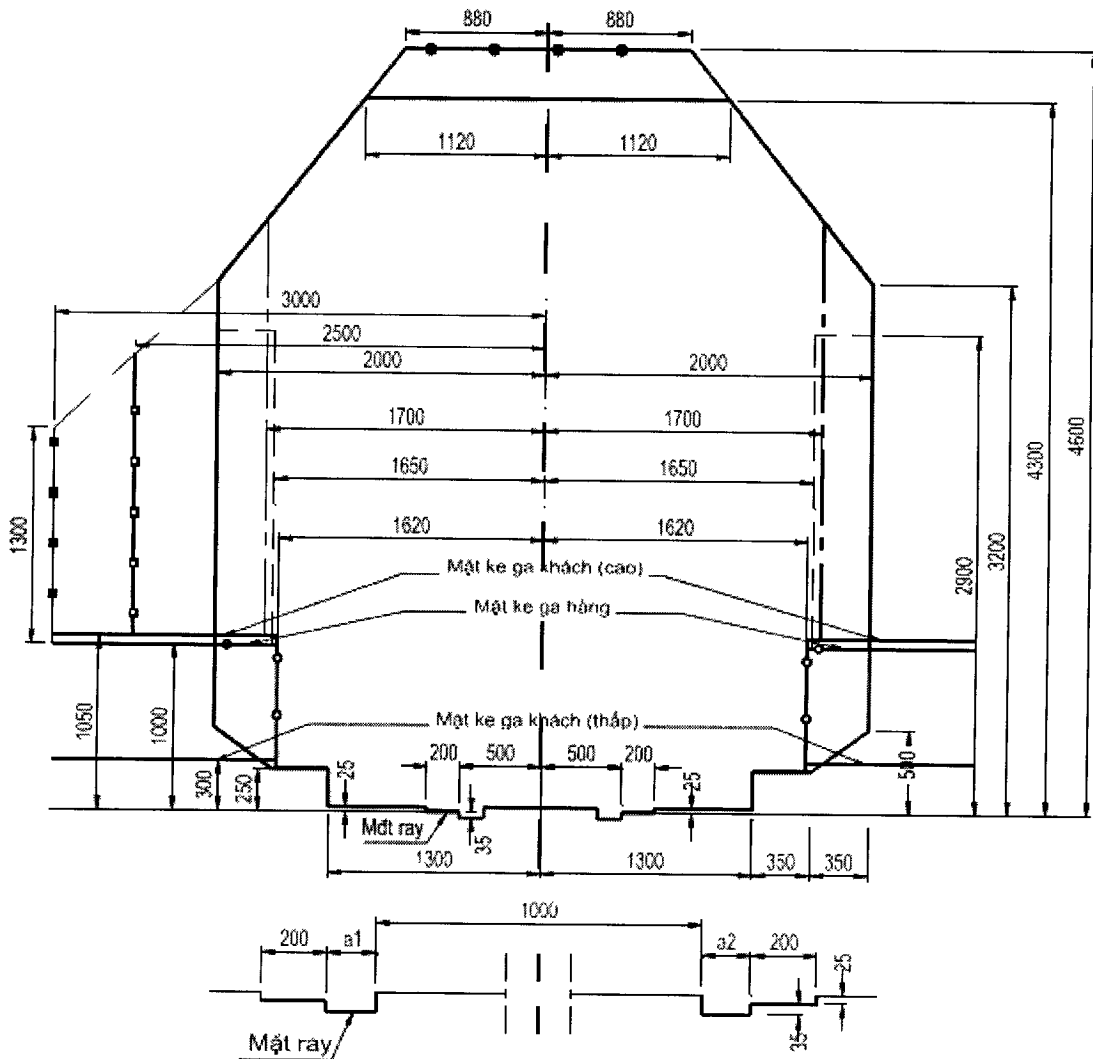
Trên cơ sở nội dung của Quy định này, các Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, Trung tâm điều hành vận tải và các Ban liên quan của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai chi tiết đến các Chi nhánh KTĐS, ga đường sắt, Chi nhánh (Trạm VTĐS), các đơn vị, cá nhân liên quan và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Tá Tùng

(Khổ đường 1000 mm)

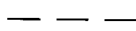
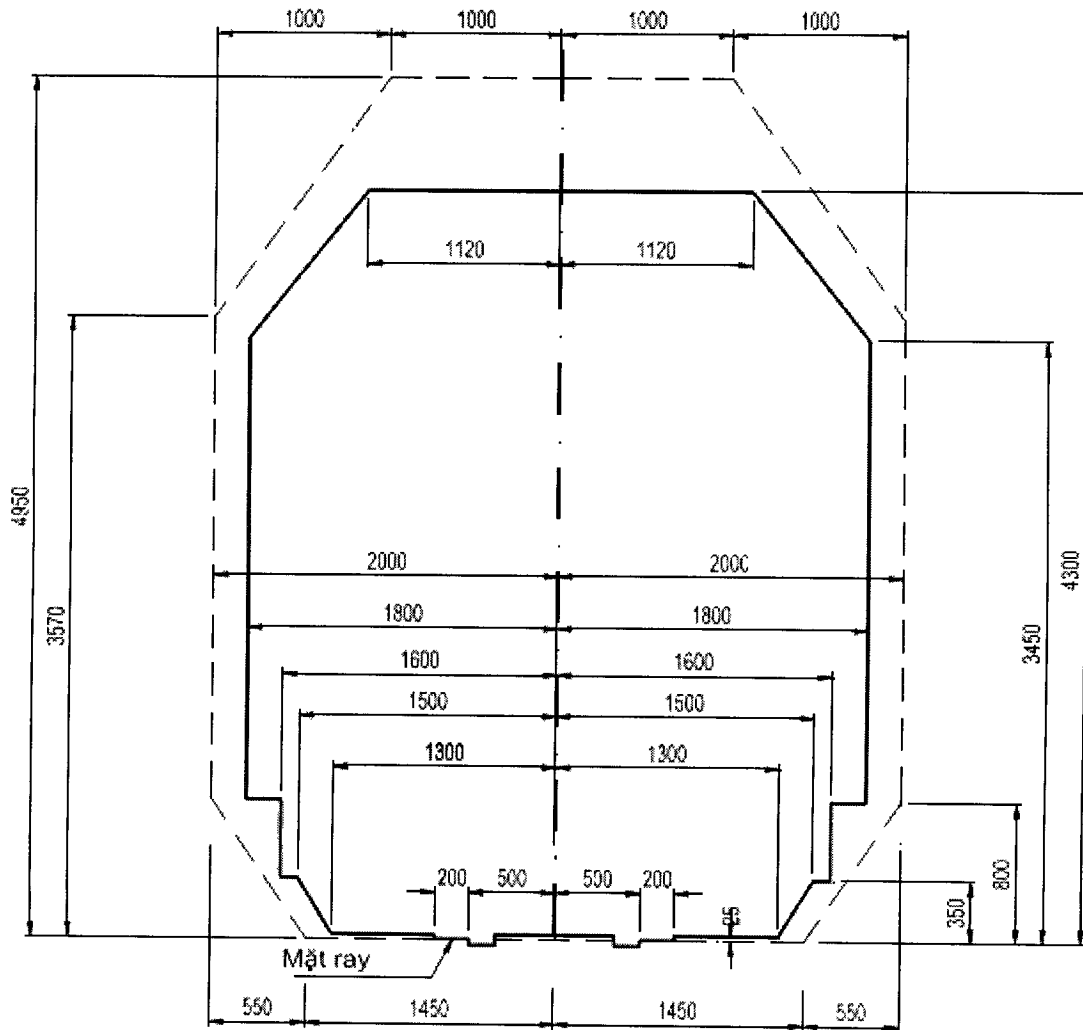


a1, a2: Khoảng cách giữa ray cơ bản và ray hộ bánh

- Giới hạn chung cho các kiến trúc trong ga
- Giới hạn cầu vượt và mái che mưa trong ga
- - - - - Giới hạn nhà để đầu máy, thiết bị lấy than nước, cầu quay, cầu cân, nơi rửa toa xe và cột tín hiệu
- Giới hạn các cột trên ke (trừ cột giao nhận thẻ đường)
- — — — — Giới hạn các biển báo trong ga
- ■ ■ ■ ■ Giới hạn nhà cửa trên ke
- ○ ○ ○ ○ Giới hạn ke hàng (cách tim đường sắt 1620mm, các ga chưa cải tạo được giữ nguyên)

Hình A.2

(Khổ đường 1000 mm)



Giới hạn bản thân cầu

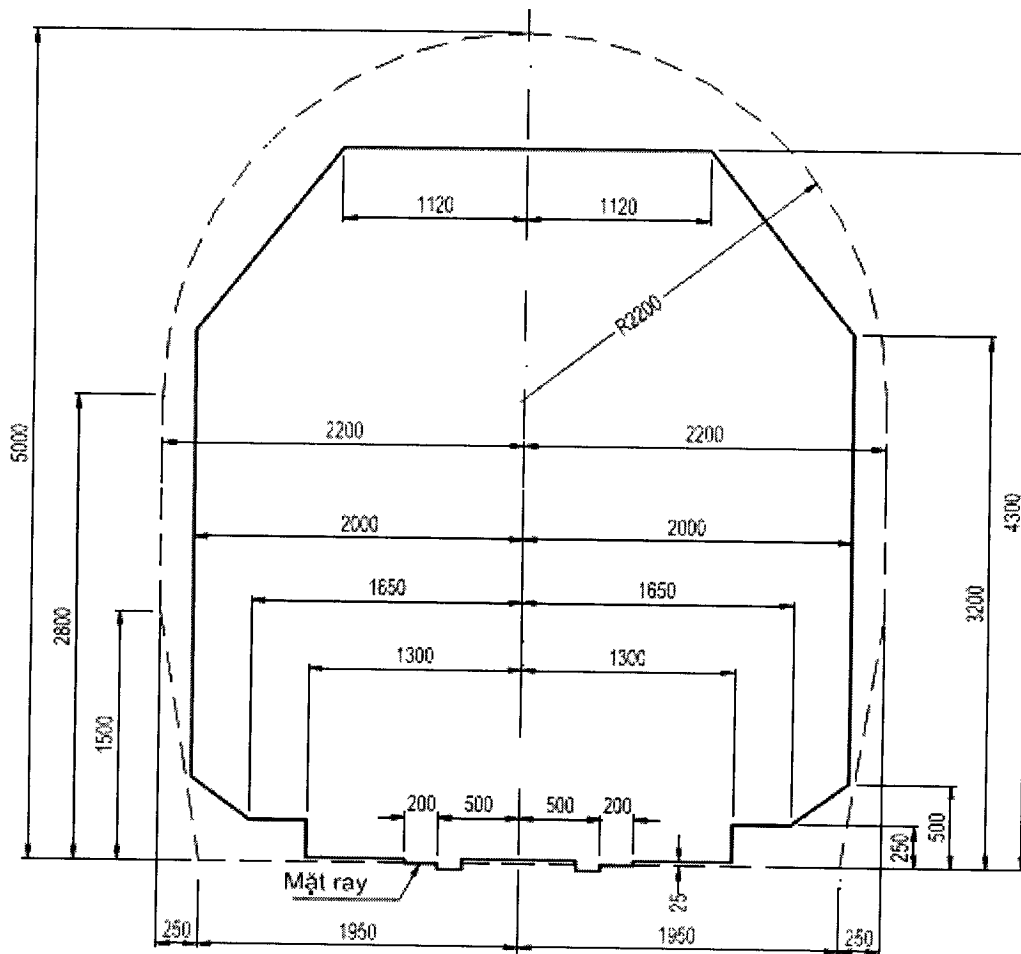


Giới hạn kiến trúc trong cầu

(Xem chi tiết giới hạn tiếp giáp ray dưới bản vẽ A.1)

Hình A.3

(Khổ đường 1000 mm)



- Giới hạn bản thân hầm
- Giới hạn kiến trúc trong hầm

(Xem chi tiết giới hạn tiếp giáp ray dưới bản vẽ A.1)

Hình A.4

Chú thích chung cho các bản vẽ từ A.1 đến A.4

Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường cong phải căn cứ khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường thẳng mà nới rộng thêm theo công thức dưới đây:

1. Nới rộng bụng đường cong:
$$\omega_1 = \frac{24500}{R} + 4h \quad (\text{mm})$$

2. Nới rộng lưng đường cong:
$$\omega_2 = \frac{25500}{R} \quad (\text{mm})$$

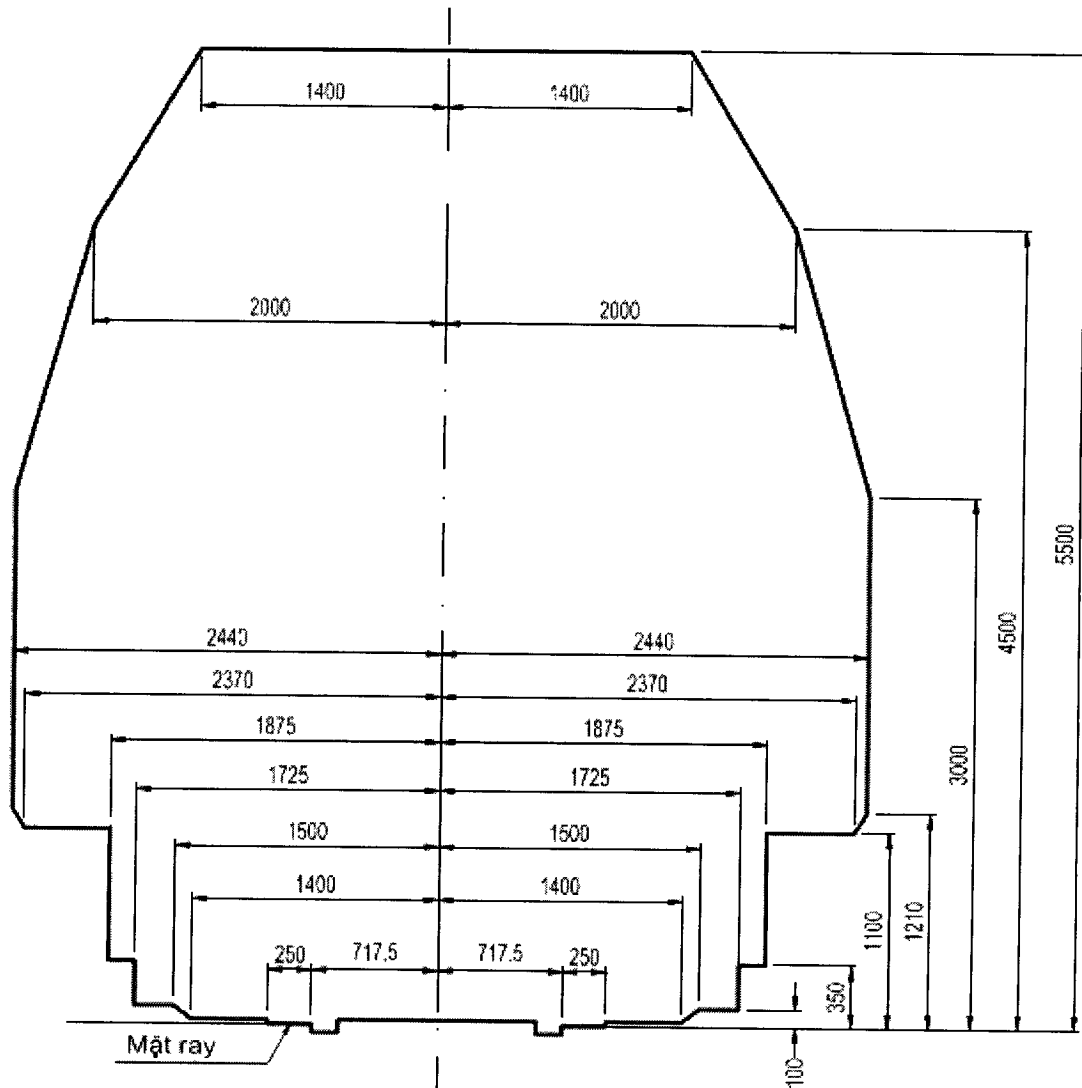
Trong đó:

- ω_1, ω_2 : Khoảng nới rộng.
- h: Siêu cao ray lạng đường cong (mm).
- R: Bán kính đường cong (m).

QCVN 08:2018/BGTVT

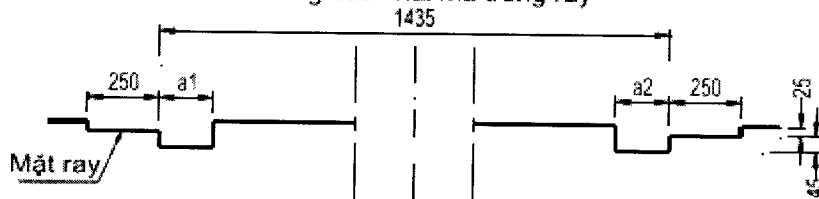
A.5 - Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường thẳng trong khu gian và đường chính trong ga

(Khổ đường 1435 mm)



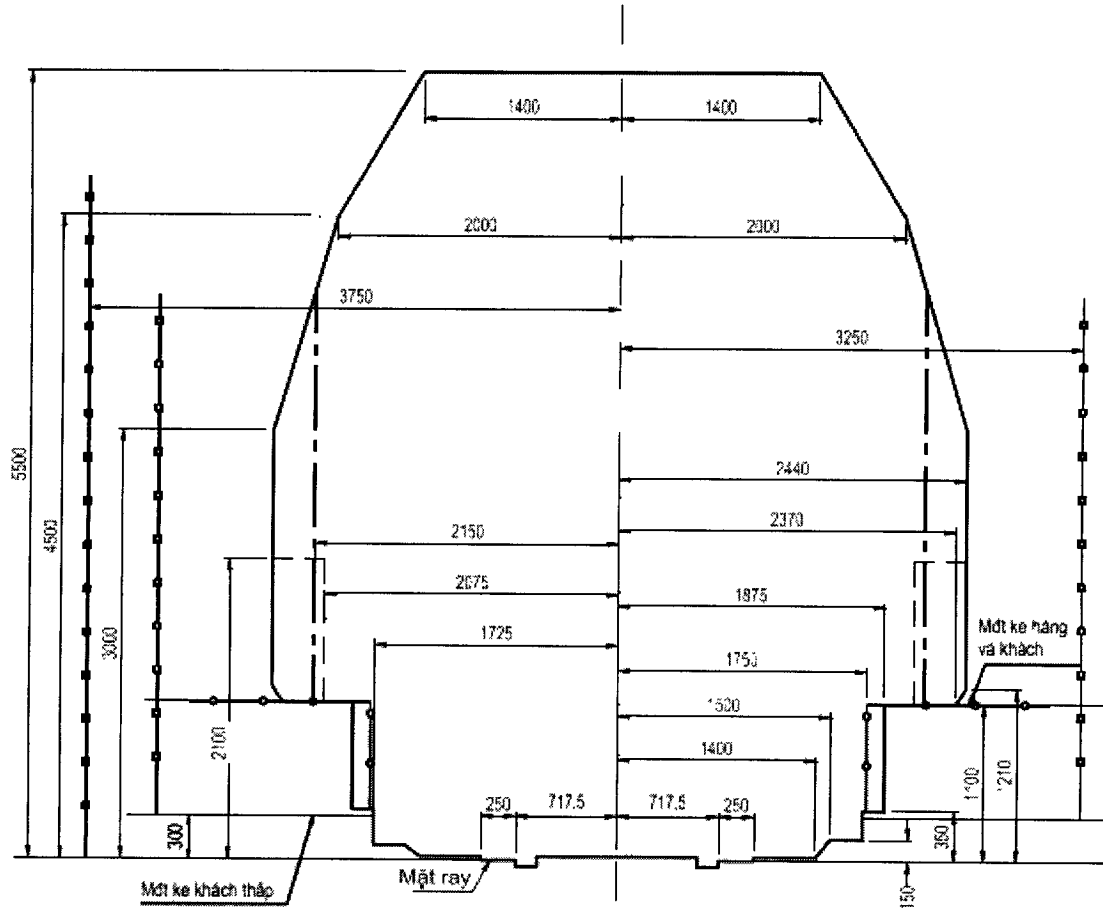
CHI TIẾT GIỚI HẠN TIẾP GIÁP RAY

Khoảng cách hai má trong ray



Hình A.5

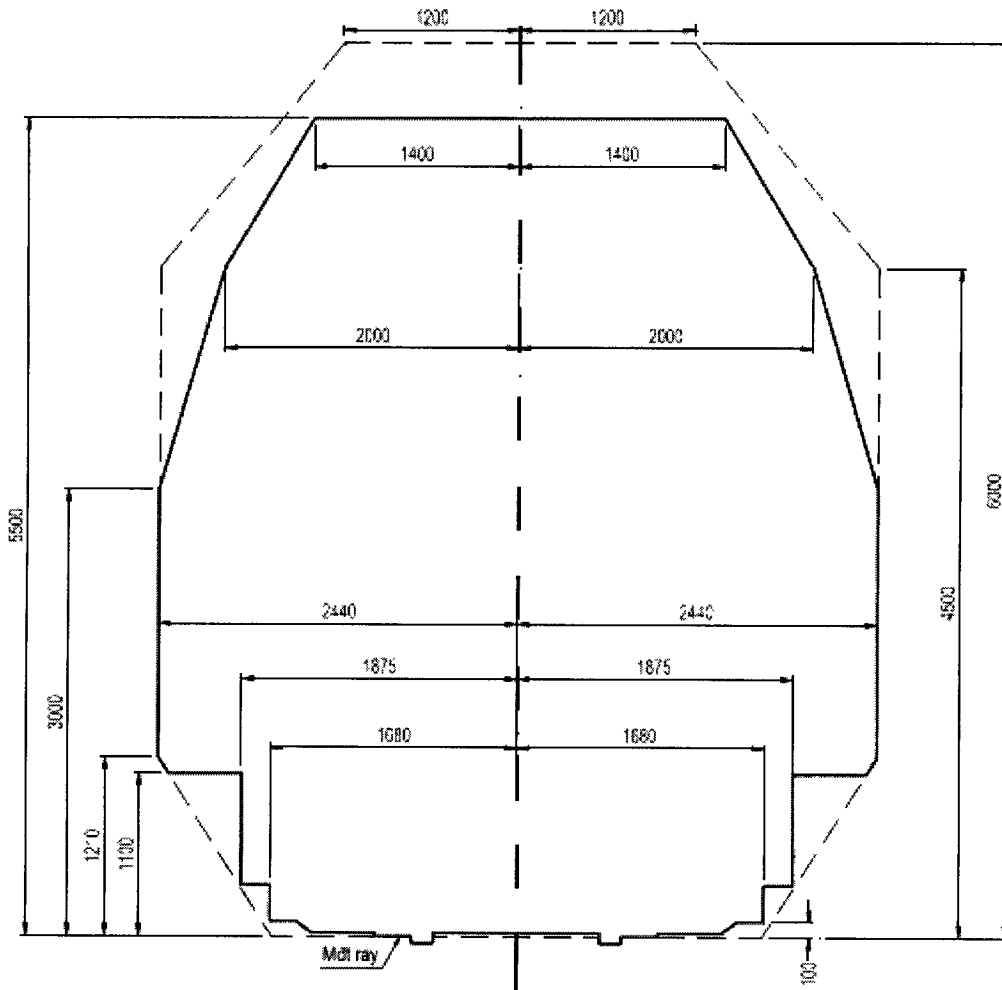
(Khổ đường 1435 mm)



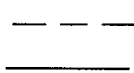
- Giới hạn chung cho các kiến trúc trong ga
- · — · — · Giới hạn nhà để đầu máy, thiết bị lấy than nước, cầu quay, cầu cân, nơi rửa toa xe và cột tín hiệu
- - - - - Giới hạn các biển báo trong ga
- ● — ● — Giới hạn ke hàng
- ○ — ○ — Giới hạn các cột trên ke (trừ cột giao nhận thẻ đường)
- ■ — ■ — Giới hạn nhà cửa trên ke

Hình A.6

(Khổ đường 1435 mm)



(Xem chi tiết giới hạn tiếp giáp ray dưới bản vẽ A.5)

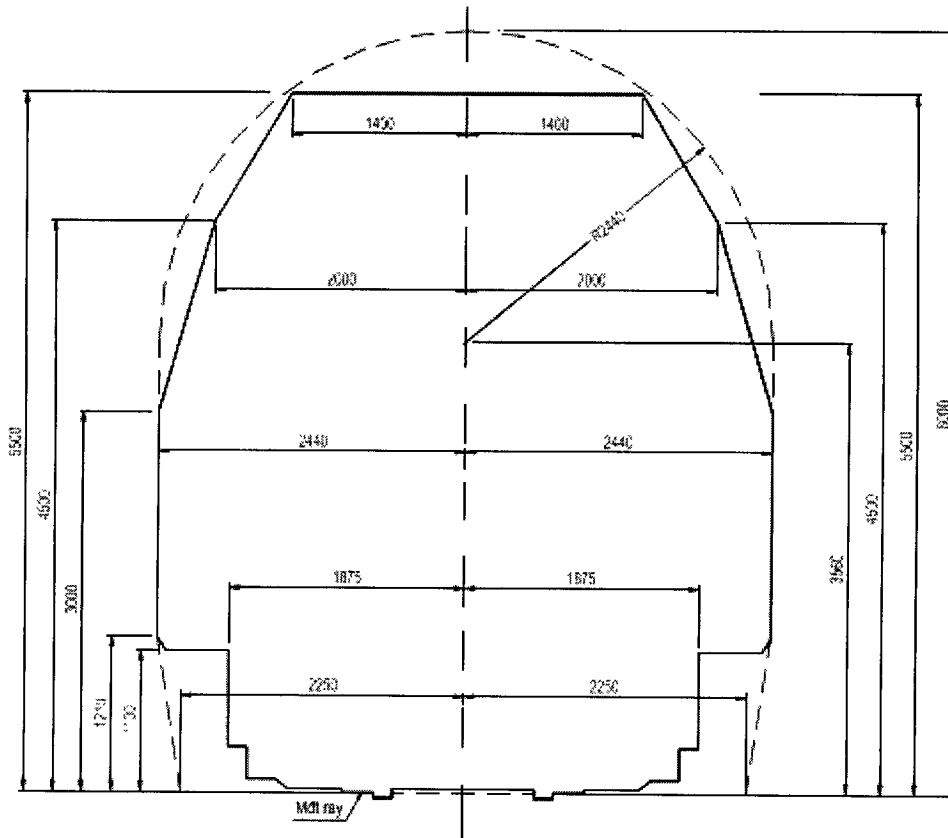


Giới hạn bản thân cầu

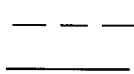
Giới hạn kiến trúc trong cầu theo kích thước của khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường thẳng trong khu gian ở bản vẽ A.5

Hình A.7

(Khổ đường 1435 mm)



(Xem chi tiết giới hạn tiếp giáp ray dưới bản vẽ A.5)



Giới hạn bản thân hầm

Giới hạn kiến trúc trong hầm theo kích thước của khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường thẳng trong khu gian ở bản vẽ A.5

Hình A.8

Chú thích chung cho các bản vẽ từ A.5 đến A.8

Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường cong phải căn cứ khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc trên đường thẳng mà nới rộng thêm theo công thức dưới đây:

1. Nới rộng bụng đường cong:
$$\omega_1 = \frac{40500}{R} + \frac{H \cdot h}{1500} \text{ (mm)}$$

2. Nới rộng lưng đường cong:
$$\omega_2 = \frac{44000}{R} \text{ (mm)}$$

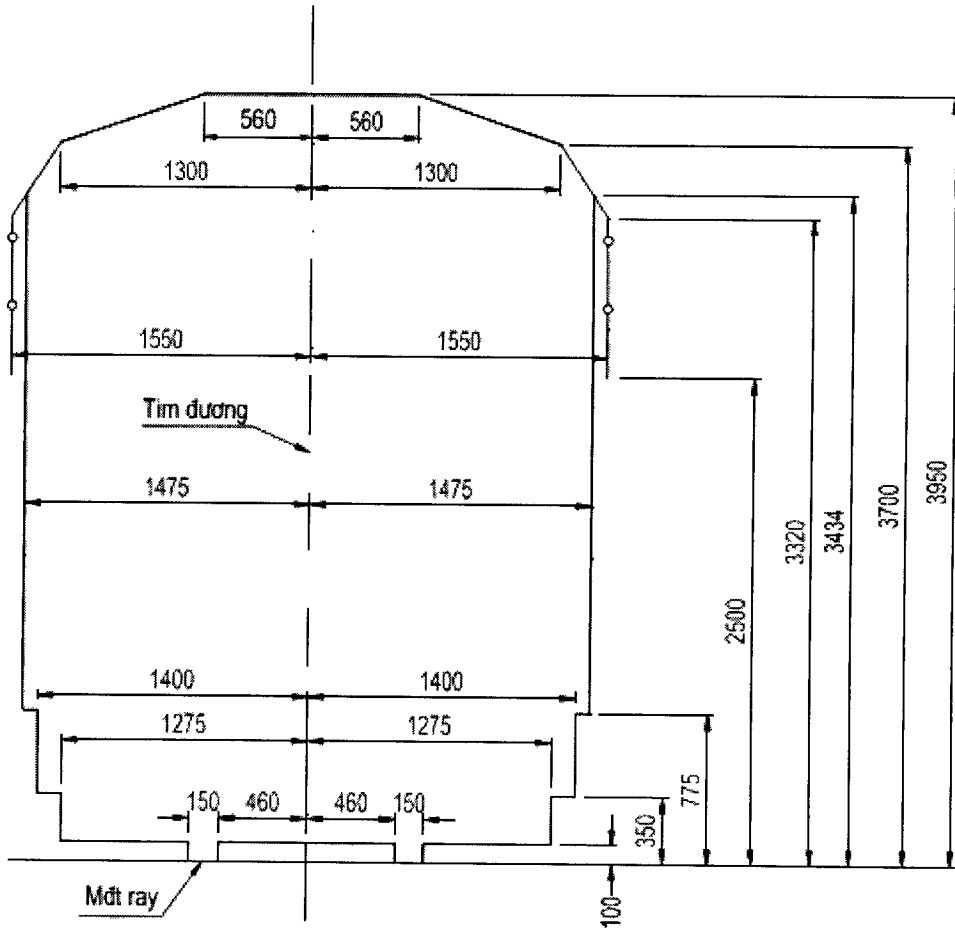
Trong đó:

- ω_1, ω_2 : Khoảng nới rộng về phía bụng và lưng đường cong (mm).
- H: Chiều cao từ điểm tính toán tới mặt ray (mm).
- h: Siêu cao ray lưng đường cong (mm).
- R: Bán kính đường cong (m).

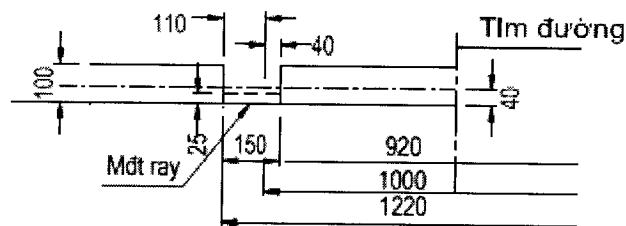
Phụ lục B

Khổ giới hạn đầu máy, toa xe

B.1 - Khổ giới hạn đầu máy, toa xe (khổ đường 1000 mm)



CHI TIẾT GIỚI HẠN TIẾP GIÁP RAY

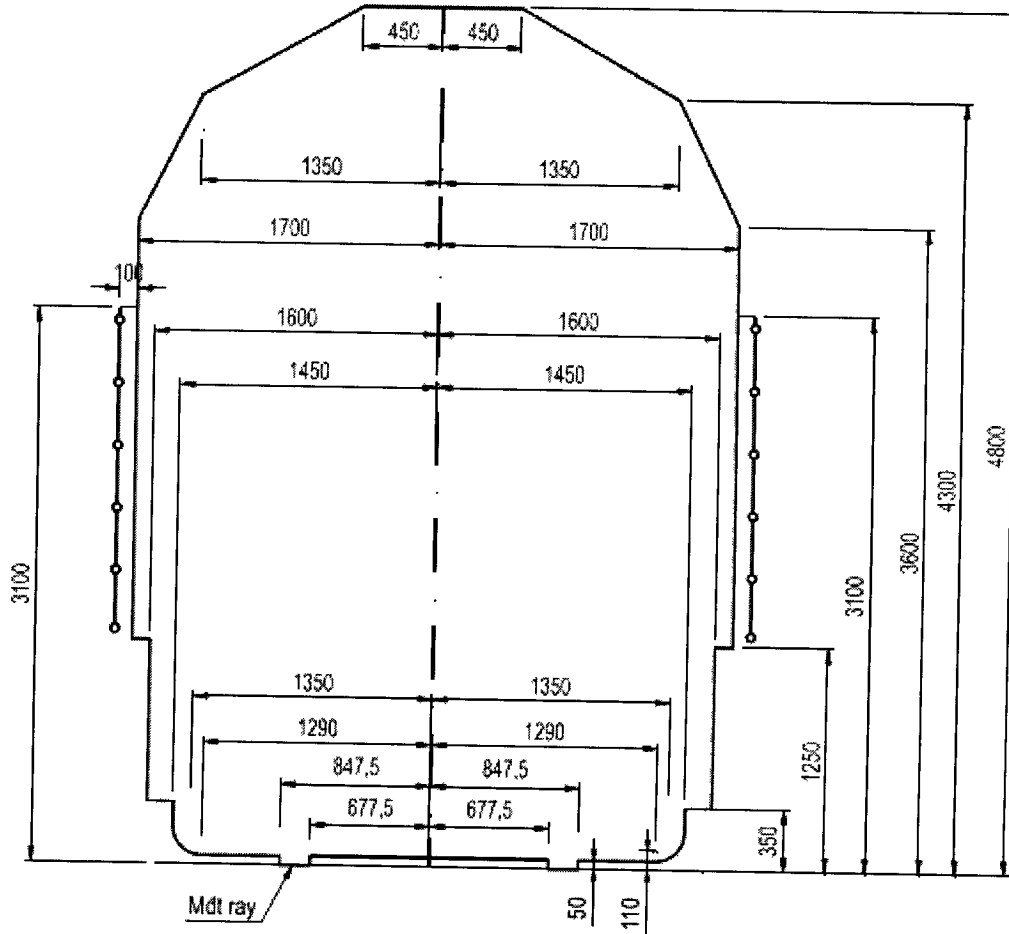


- Giới hạn đầu máy, toa xe
- Giới hạn tín hiệu trên đầu máy, toa xe
- - - - - Giới hạn bộ phận chịu ảnh hưởng lên xuống của lò xo
- - - - - Giới hạn góc hãm, ống xả cát

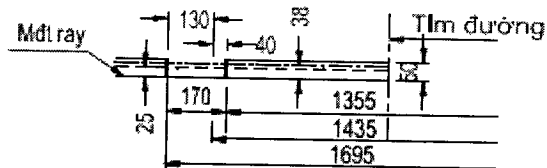
Hình B.1

QCVN 08:2018/BGTVT

B.2 - Khổ giới hạn đầu máy, toa xe (khổ đường 1435 mm)



CHI TIẾT GIỚI HẠN TIẾP GIÁP RAY

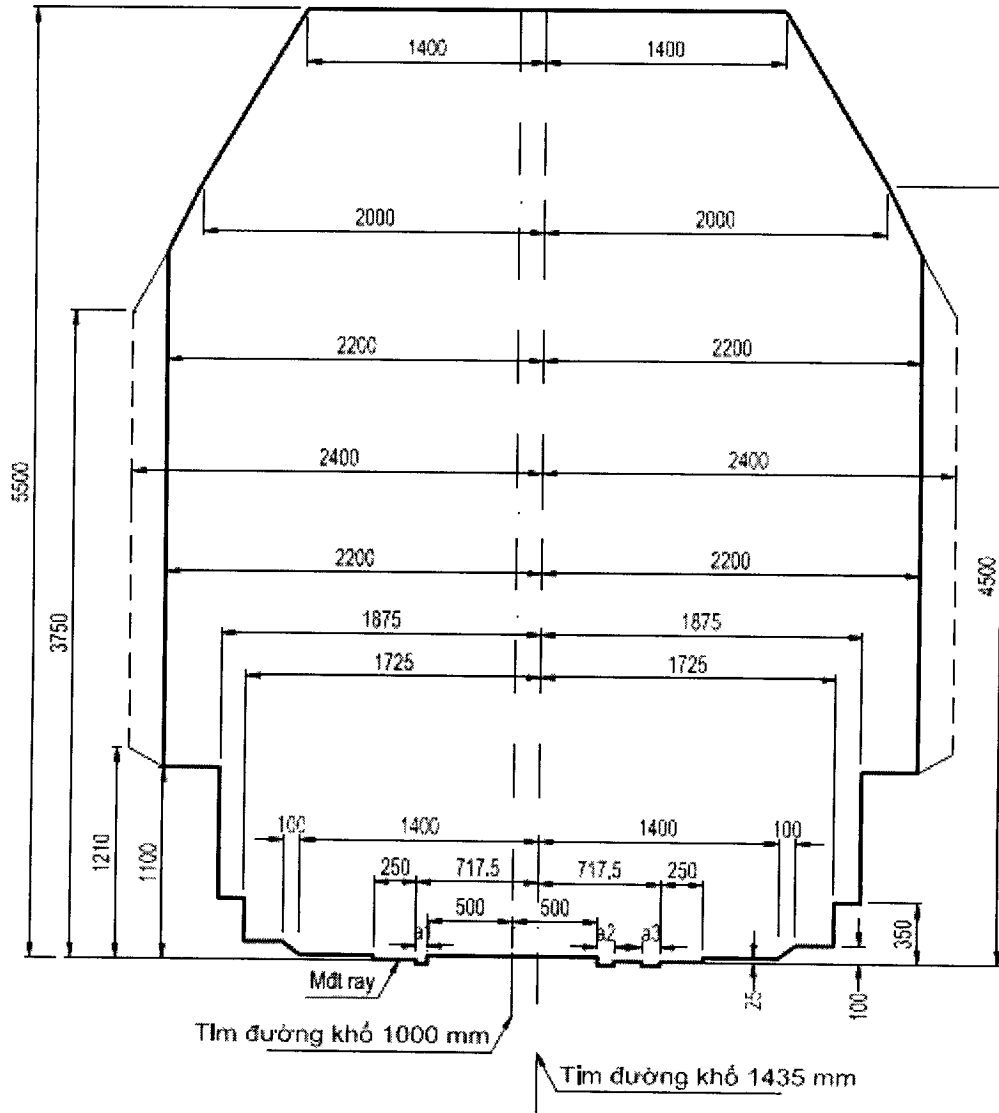


- Giới hạn đầu máy, toa xe
- Giới hạn tín hiệu trên đầu máy, toa xe
- · — · — Giới hạn bộ phận chịu ảnh hưởng lên xuống của lò xo
- - - - - Giới hạn góc hãm, ống xả cát

Hình B.2

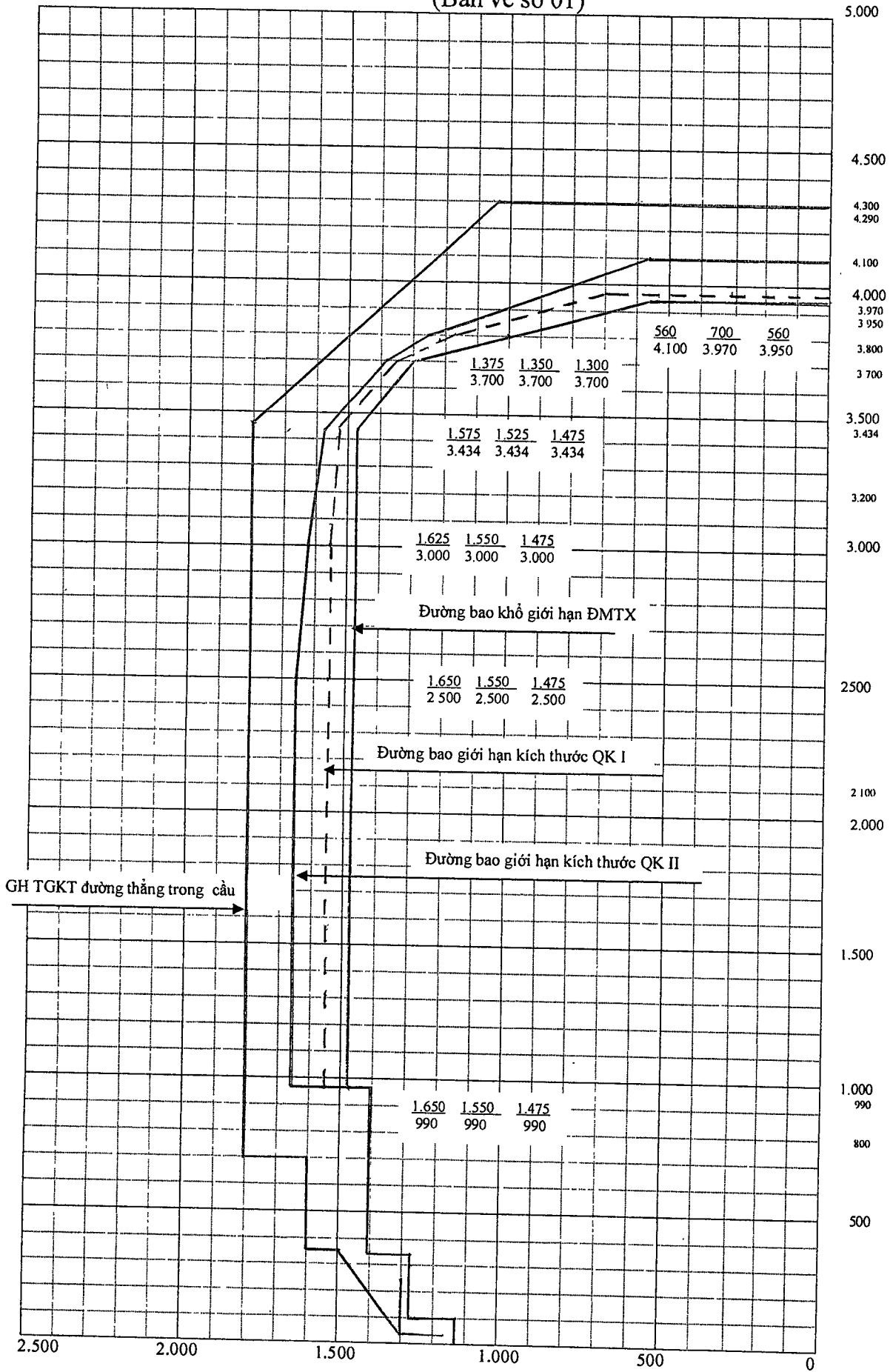
Phụ lục C

Khổ giới hạn áp dụng tạm thời cho các kiến trúc, thiết bị cũ chưa được cải tạo ở gần đường khổ 1000 mm lồng thêm đường khổ 1435 mm



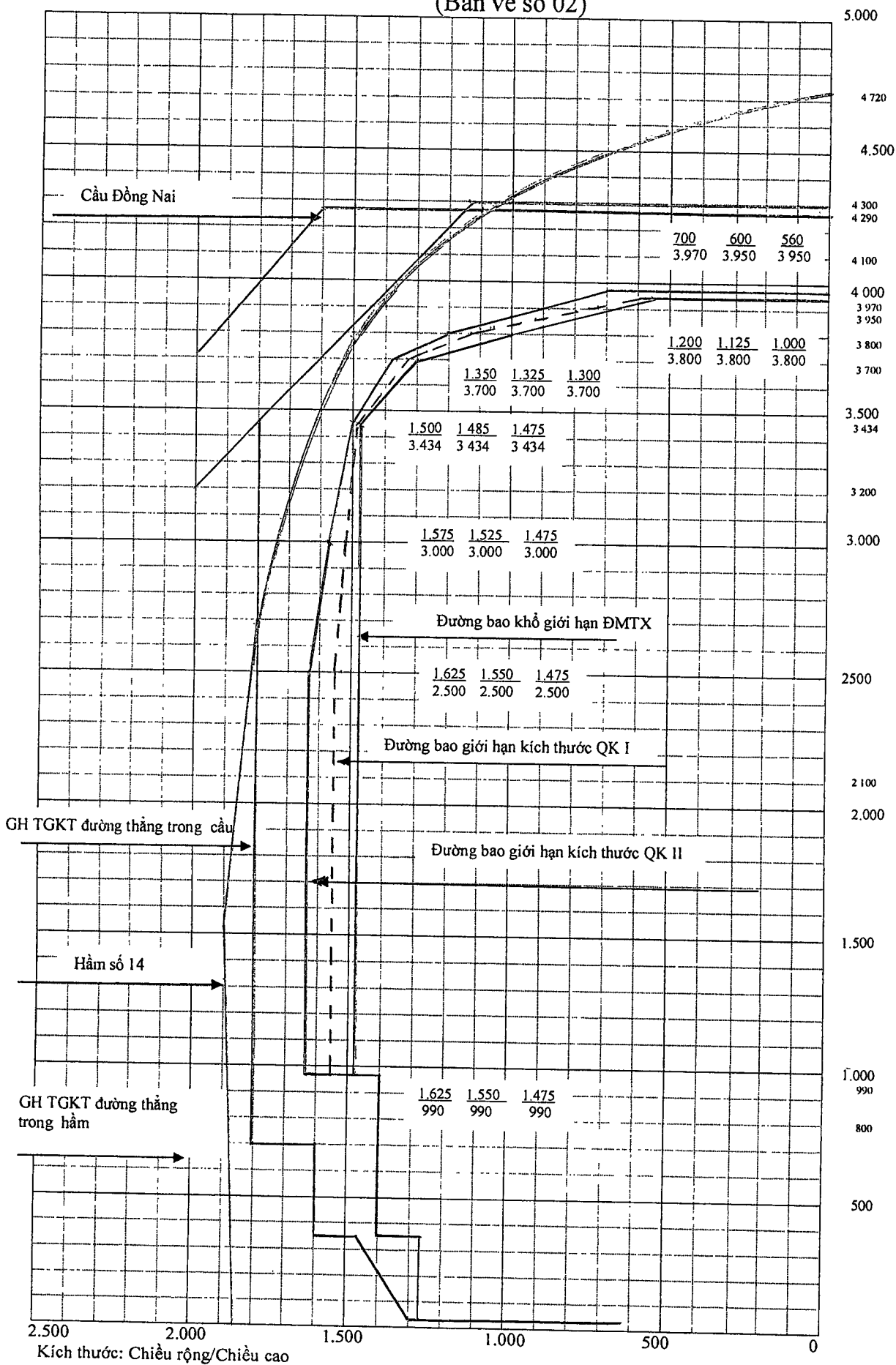
Ghi chú: Những toa xe từ mặt ray lên 1100 mm rộng quá 3000 mm, chạy trên những đường khổ 1000 mm phải có sự cho phép riêng như xếp hàng vượt quá khổ giới hạn đầu máy, toa xe.

GIỚI HẠN ĐẦU MÁY TOA XE - GIỚI HẠN TIẾP GIÁP KIẾN TRÚC
KÍCH THƯỚC QUÁ GIỚI HẠN I-II
KHU ĐOẠN VINH TRỞ RA CÁC TUYẾN PHÍA BẮC KHỔ ĐƯỜNG 1000mm
(Bản vẽ số 01)



Kích thước: Chiều rộng/Chiều cao

GIỚI HẠN ĐẦU MÁY TOA XE – GIỚI HẠN TIẾP GIÁP KIẾN TRÚC
KÍCH THƯỚC QUÁ GIỚI HẠN I-II
ĐI QUÁ VINH ĐẾN SÓNG THẦN VÀ NGƯỢC LẠI KHỎ ĐƯỜNG 1000mm
(Bản vẽ số 02)



GIỚI HẠN ĐẦU MÁY TOA XE – GIỚI HẠN TIẾP GIÁP KIẾN TRÚC
KÍCH THƯỚC QUÁ GIỚI HẠN I-II KHỔ ĐƯỜNG 1435mm
 (Bản vẽ số 03)

